

Bản án số: 131/2020/DSST
Ngày: 23-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.
2. Ông Huỳnh Lý Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 449/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Liên Bình K, sinh năm 1987; địa chỉ: đường BT, Phường M, Quận S, Thành phố H (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: đường MP, Phường M, Quận MM, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2019, các lời khai và biên bản không tiến hành H giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Liên Bình K trình bày:

Ông Liên Bình K có nhận thi công 02 phòng VIP1 và VIP2 tại tầng 1 quán ăn hải sản KN tại địa chỉ đường MP, Phường M, Quận MM, Thành phố H do bà Trần Thị Thu H là chủ hộ kinh doanh theo Giấy phép kinh doanh số 41K8019703 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận MM, Thành phố H cấp ngày 28/11/2017. Ngày 25/7/2019 ông K đã hoàn công và bàn giao phòng thi công cho bà H. Cùng ngày hai bên đã lập Hợp đồng cam kết với nội dung “Bà Trần

Thị Thu H sẽ thanh toán cho ông Liên Bình K hàng tháng với số tiền là 13 triệu đồng trong vòng 6 tháng theo quy định của hợp đồng”.

Tuy nhiên từ sau khi ký Hợp đồng cam kết cho đến nay thì bà H không trả tiền cho ông K theo đúng nội dung hợp đồng. Nay ông K yêu cầu bà Trần Thị Thu H trả cho ông số tiền 78.000.000 đồng bao gồm tiền lương, chi phí tháo dỡ, làm thạch cao, dán tường, thiết kế đường điện, âm thanh ánh sáng và 05 bộ bàn kính, ghế sofa, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán tiến hành giao Thông báo Thụ lý vụ án cho bị đơn không đúng thời hạn quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 02/12/2019 Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý đơn khởi kiện của ông Liên Bình K và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nguyên đơn đến để tiến hành lấy lời khai và lập biên bản H giải. Tại các lời khai nguyên đơn đều xác định thực tế hai bên đã thực hiện hợp đồng dịch vụ, ông K có trách nhiệm thực hiện việc sửa chữa, lắp đặt hệ thống âm thanh ánh sáng cho 02 phòng VIP của quán ăn KN, sau khi thực hiện xong dịch vụ và hoàn công thì bà H không trả tiền nên ông K khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41K8019703 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận MM, Thành phố H cấp ngày 28/11/2017 cho bà Trần Thị Thu H đứng tên chủ hộ tại địa chỉ đường MP, Phường M, Quận MM, Thành phố H và Hợp đồng cam kết ngày 25/7/2019 xác định nơi thực hiện hợp

đồng dịch vụ là tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 23/7/2020 nguyên đơn ông Liên Bình K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Trần Thị Thu H không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Liên Bình K yêu cầu bà Trần Thị Thu H trả số tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Trần Thị Thu H, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ là 78.000.000 đồng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà H không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà H chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

Căn cứ vào “Hợp đồng cam kết” ngày 25/7/2019 giữa ông Liên Bình K và bà Trần Thị Thu H. Hợp đồng nêu trên được lập thành văn bản, có chữ ký của bà H, nội dung hai bên thỏa thuận việc “ông K bàn giao cho bà H nội thất và âm thanh, ánh sáng của 02 phòng VIP tầng một quán ăn gia đình Kim Ngọc. Bà H sẽ thanh toán cho ông K hàng tháng với số tiền là 13 triệu đồng trong vòng 6 tháng” có đủ cơ sở khẳng định rằng: Bà Trần Thị Thu H còn nợ ông Liên Bình K số tiền 78.000.000 đồng. Hai bên đã xác lập nên giao dịch dân sự là hợp đồng dịch vụ.

Theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “*Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ*”. Do đó, “Hợp đồng cam kết” ngày 25/7/2019 đã làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà H đối với ông Liên Bình K.

Theo quy định tại Điều 515 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “*Nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ....trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo thỏa*

thuận”. Như vậy, ngày 25/7/2019 nguyên đơn là ông Liên Bình K đã thực hiện việc hoàn công và bàn giao công trình sửa chữa cho bà H, ông K đã thực hiện đúng cam kết của bên cung ứng dịch vụ, tuy nhiên phía bị đơn cho đến nay vẫn không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả tiền cho nguyên đơn là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 78.000.000 đồng.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về nội dung là có cơ sở pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 515 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liên Bình K.

Buộc bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Liên Bình K số tiền là 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông K cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Thu H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho ông Liên Bình K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015075 ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoài